TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Thiên Lương
2. Ông Nguyễn Văn Thiện

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST-DS ngày 24/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
2. Bị đơn: Anh Trần Anh D, sinh năm: 1987
Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, bản tự khai ngày 27/02/2018 và tại phiên toà, chị Võ Thị T trình bày: Chị và anh Trần Anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến tháng 3 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Võ Kiều T, sinh ngày 07/10/2012. Hiện tại con đang ở với chị T tại xã P. Chị T có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến lúc con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã triệu tập anh D nhưng anh D vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Chị T cung cấp thông tin cho Toà án biết anh D đang làm việc tại xí nghiệp may H, tiểu khu 7, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên anh D hiện nay đã không còn làm việc ở công ty này mà đã vào Nam sinh sống và làm việc tại số nhà 101, đường D9, khu công nghiệp V, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 14 tháng 3 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã uỷ thác cho Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương thu thập chứng cứ.

Ngày 02/5/2018, Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã nhận được kết quả uỷ thác do Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương thực hiện. Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã trực tiếp xác minh tại phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì được biết hiện nay không có ai tên Trần Anh D, sinh năm 1987 trú tại địa chỉ: số nhà 101, đường D9, khu công nghiệp V, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do vậy không xác định được nơi tạm trú của anh D.

Ngày 10/7/2018, Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã trực tiếp đến nhà bố mẹ của anh Trần Anh D tại xã P để xác minh sự việc. Bà Nguyễn Thị H mẹ của anh D cho biết: Anh Trần Anh D và chị Võ Thị T trước đây đi làm ăn ở miền Nam gặp gỡ và yêu nhau sau đó kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn vợ chồng về quê sinh sống cho đến năm 2013 vào làm công nhân tại công ty may H ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Bước đầu cuộc sống hạnh phúc và vợ chồng có với nhau 01 con chung tên là Trần Võ Kiều T, sinh năm 2012. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con, ham chơi, giữa vợ chồng thiếu sự thông cảm tôn trọng lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Đến năm 2015 vợ chồng sống ly thân. Thời gian chung sống được khoảng 4 năm. Hiện nay anh D đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương nhưng địa chỉ cụ thể thì bà không rõ, gia đình chỉ liên lạc qua điện thoại. Hiện nay tình cảm vợ chồng của chị T và anh D thực sự không còn nên chị T có yêu cầu ly hôn anh D gia đình cũng đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt vì anh D đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Về tài sản chung của vợ chồng: chị T, anh D không có tài sản chung vì còn phụ thuộc vào gia đình. Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ của ai.

Ngày 26/7/2018, anh Trần Anh D có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, mặc dù bản thân có trở về địa phương nhưng vì điều kiện thời gian quá gấp nên không thể đến tại Toà án được để Toà án giải quyết việc ly hôn nên anh D viết đơn xin xét xử vắng mặt và có sự xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã P về chữ ký của anh D trong đơn. Anh D đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và nhất

trí ly hôn theo yêu cầu của chị T, đề nghị Toà án chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của anh D.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật hợp tác với Toà án. Bị đơn trong quá trình giải quyết vắng mặt không hợp tác với Toà án tại phiên toà hôm nay vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử chị Võ Thị T ly hôn vắng mặt anh Trần Anh D.

Về con chung áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Võ Kiều T, sinh ngày 07/10/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến tuổi trưởng thành theo yêu cầu của chị T là hợp lý, chính đáng.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Võ Thị T và anh Trần Anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn M, xã P. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu hạnh phúc đến tháng 3 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng T xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị T có nguyện vọng được ly hôn anh D. Quá trình giải quyết anh D đều vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã trực tiếp đến nhà bố mẹ của anh Trần Anh D tại xã Phong Hoá để xác minh sự việc thì thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm; vợ chồng thiếu sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống. Hiện tại vợ chồng đã ly thân. Anh D không có mặt tại Toà án để Toà án hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng đã rạn nứt. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên hai bên không thể trở lại đoàn tụ. Ngày 26/7/2018, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt và nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và đơn xin xét xử vắng mặt của anh D. Đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử chị Võ Thị T được ly hôn vắng mặt anh Trần Anh D.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Võ Kiều T, sinh ngày 07/10/2012. Hiện tại con đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến lúc con trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T là chính đáng và phù hợp vì con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ mặt khác anh D đi làm ăn xa không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng của chị T là phù hợp, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Võ Kiều T, sinh ngày 07/10/2012 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Anh D có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 9/2018 đến khi con tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 xử chị Võ Thị T ly hôn vắng mặt anh Trần Anh D.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: giao cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Võ Kiều T, sinh ngày 07/10/2012. Anh Trần Anh D có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 9/2018 đến khi cháu Trần Võ Kiều T tròn 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0003573 ngày 22/01/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuyên Hoá nay được khấu trừ toàn bộ. Vậy chị Võ Thị T đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố chị Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/8/2018). Đối với anh Trần Anh D thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã P nơi cư trú của anh D.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyệnTuyên Hoá;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ